TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 266/2025/KDTM-PT
Ngày: 22/8/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng;
tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Anh

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Hường

Bà Mai Thị Thanh Tú

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Vũ Thị Minh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 04/8, 14/8, 21/8 và 22/8/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số 131 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thương mại thụ lý số 161/2025/TLPT-KDTM ngày 02/6/2025 về việc "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng; tranh chấp về thừa kế tài sản".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 54/2025/KDTM-ST ngày 18/4/2025 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4), Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3071/2025/QĐ-PT ngày 16 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 10337/2025/QĐ-PT ngày 15 tháng 7 năm 2025, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 13044/2025/QĐPT-KDTM ngày 04 tháng 8 năm 2025 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 13825/2025/QĐPT-KDTM ngày 14 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T; địa chỉ: số 35 đường V, phường T, quận K (nay là phường K), Thành phố H;

Người đại diện hợp pháp: Ông T, sinh năm 1994; ông V, sinh năm 1990; ông K, sinh năm 1993; ông Đ, sinh năm 1995; cùng địa chỉ: Số 290 đường N, phường S, Quận X (nay là phường X), Thành phố M; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 02/4/2025);

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Quốc tế V; địa chỉ: Số 114 đường HT, Phường H, quận TB (nay là phường H), Thành phố M;

Người đại diện hợp pháp: Ông P, sinh năm 1980; chức vụ: Giám đốc; là người đại diện theo pháp luật. (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà H, sinh năm 1955; địa chỉ: Số 72 đường T, phường Đ, quận T, Thành phố H (nay là phường Đ, Thành phố H).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà V, sinh năm 1956; địa chỉ: 329/10 đường T, Phường P, quận N, Thành phố M (nay là phường N, Thành phố M).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H:

- Ông H, sinh năm 1977 - Luật sư của Văn phòng Luật sư số 1 A thuộc Đoàn Luật sư tỉnh A. (có mặt ngày 04/8/2025, vắng mặt ngày 21 và 22/8/2025).

- Ông ĐK, sinh năm 1975 – Luật sư của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn G thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. (có đơn xin vắng mặt).

3.2 Bà VH, sinh năm 1950;

Người đại diện hợp pháp: Ông P, sinh năm 1980; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 05/5/2022);

3.3 Ông P, sinh năm 1980; cùng địa chỉ: Số 114 đường HT, Phường H, quận TB (nay là phường H), Thành phố M.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông P: ông X, sinh năm 1977 – Luật sư của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn X thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. (có mặt)

3.4 Bà P, sinh năm 1979; (có đơn vắng mặt)

3.5 Trẻ N, sinh năm 2008; (con của ông P)

3.6 Trẻ T, sinh năm 2012; (con của ông P); cùng địa chỉ: Số 114 đường HT, Phường H, quận TB (nay là phường H), Thành phố M;

Người đại diện hợp pháp của trẻ N và trẻ T: Ông P, sinh năm 1980 (Văn bản thỏa thuận cử đại diện theo pháp luật ngày 23/5/2022);

3.7 Bà HH, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 211A đường K, phường K, quận H, Thành phố H;

Người đại diện theo hợp pháp: Ông P, sinh năm 1980; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 26/4/2024);

3.8 Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Thực phẩm Tươi sống H; địa chỉ: Số 219 đường NT, Phường M, Quận B (nay là phường C), Thành phố M;

Người đại diện hợp pháp: Bà MH – Giám đốc, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 219 đường NT, Phường M, Quận B (nay là phường C), Thành phố M; là người đại diện theo pháp luật. (vắng mặt)

4. Người làm chứng:

4.1. Ông DV, sinh năm 1953; địa chỉ: 45 ngách 72/125 Q, phường C, quận T (nay là phường T), Thành phố H; (có đơn xin vắng mặt)

4.2. Bà N, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 36, Tổ 2, phường HM, quận M (nay là phường HM), Thành phố H. (có đơn xin vắng mặt)

Người kháng cáo: Bà H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 54/2025/KDTM-ST ngày 18/4/2025 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện ngày 27/7/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng T do người đại diện theo ủy quyền là Ông T trình bày:

Ngày 29/5/2020, Ngân hàng T (sau đây gọi tắt là Ngân hàng T) – Chi nhánh B và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Quốc tế Quốc tế V (sau đây gọi tắt là Công ty V) có ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2020/9100844/HĐTD với nội dung:

- Số tiền vay: 1.742.000.000 đồng;

- Mục đích vay: Vay xây dựng nhà xưởng;

- Thời hạn cho vay: 60 tháng;

- Thời điểm cho vay: tháng 6/2020.

Ngày 01/9/2021, Ngân hàng T và Công ty V có ký kết hợp Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/9100844/HĐTD (trong đó Hạn mức tín dụng này bao gồm cả dư nợ cho vay đã phát sinh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/9100844/HĐTD ngày 24/9/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan) với thỏa thuận:

- Số tiền cấp hạn mức: 18.000.000.000 đồng;

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;

- Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng;

- Thời hạn vay: 08 tháng.

- Thời điểm cho vay: tháng 5/2021.

Công ty V không thanh toán đúng hạn dẫn đến quá hạn từ ngày 06/01/2023 và chuyển nợ xấu từ ngày 01/4/2023. Tính đến ngày 27/7/2023, Công ty V còn nợ Ngân hàng:

- Tổng số tiền đã giải ngân: 13.856.000.000 đồng;

- Dư nợ gốc hiện tại: 12.780.000.000 đồng;

- Dư nợ lãi: 113.395.726 đồng;

Tổng số tiền còn nợ: 12.893.395.726 đồng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở tại số 114 đường HT, Phường H, quận TB đã được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2019/9100844/HĐBĐ ngày 13/9/2019 giữa ông N, Bà VH và Ngân hàng, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 13/9/2019 (xác nhận của Văn phòng đăng ký đất đai ngày 16/9/2019). Ông N đã chết ngày 15/7/2020.

Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu Công ty V thực hiện ngay nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo "Hợp đồng tín dụng" số 01/2020/9100844/HĐTD ngày 29/5/2020 và "Hợp đồng tín dụng" số 01/2021/9100844/HĐTD ngày 01/9/2021 với tổng số tiền tạm tính đến ngày 27/7/2023 là 12.893.395.726 đồng, trong đó: Nợ gốc: 12.780.000.000 đồng; Nợ lãi: 113.395.726 đồng. Tiền lãi được tính tiếp cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp Công ty V không trả được nợ hoặc chưa trả hết nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 01/2019/9100844/HĐBĐ ngày 13/9/2019.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng T trình bày: Yêu cầu Công ty V phải thanh toán một lần toàn bộ số nợ ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực, đối với tổng số tiền tính đến ngày 16/4/2025 là 14.510.590.915 đồng, trong đó:

- Hợp đồng tín dụng số 01/2020/9100844/HĐTD ngày 29/05/2020: Tổng dư nợ là 826.152.800 đồng, trong đó nợ gốc là 698.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 0 đồng, nợ lãi quá hạn là 128.152.800 đồng.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/9100844/HĐTD ngày 01/9/2021: Tổng dư nợ là 13.684.438.115 đồng, trong đó nợ gốc là 12.082.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 33.095.539 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.569.342.576 đồng.

Tiền lãi được tiếp tục tính với mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 17/4/2025 trở đi cho đến khi Công ty V thanh toán xong nợ.

Trường hợp Công ty V không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nợ vay thì đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để ưu tiên thu hồi nợ cho Ngân hàng, tài sản là Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở tại số 114 HT, Phường H, quận TB đã được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2019/9100844/HĐBĐ ngày 13/09/2019 giữa ông N, Bà VH và ngân hàng T chi nhánh B, công chứng ngày 13/9/2019 tại Văn phòng Công chứng C, số công

chứng 017347, quyển số 09 TP/CC-SCC/HĐGD, xác nhận đăng ký thế chấp của Văn phòng đăng ký đất đai ngày 16/9/2019.

Trường hợp phát mãi tài sản nêu trên không đủ để thanh toán toàn bộ nợ vay thì Công ty V còn phải tiếp tục trả cho đến khi dứt nợ.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Bà H và yêu cầu phản tố của bị đơn P: Đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật.

2. Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Quốc tế V do Ông P đại diện theo pháp luật và bà A đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông P xác nhận hiện nay Công ty V đang còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 12.780.000.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 27/7/2023 là 113.395.726 đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T, Công ty V muốn thỏa thuận, thương lượng với Ngân hàng về kế hoạch trả nợ để đảm bảo quyền lợi của các bên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà H: Theo đơn khởi kiện ngày 19/11/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 18/4/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 08/6/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của bà H trình bày:

Cha Bà H là ông N sinh ngày 01/5/1925, mất ngày 15/7/2020 theo Giấy khai tử số 646/TLKT – BS trích lục tại Ủy ban nhân dân Phường 12, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 21/10/2020. Mẹ bà H là BK. Ông N và bà BK đã ly hôn vào năm 1976.

Sau khi ly hôn với bà BK, ông N kết hôn với Bà VH và sinh được hai người con là Ông P và Bà HH.

Khoảng năm 1988, ông N được Quân đội cấp đất tại địa chỉ 144 đường HT, Phường H, quận TB, Thành phố M. Sau đó, ông N có xây dựng nhà và ở tại căn nhà này cho đến khi mất. Đây là tài sản chung của ông N và bà VH (vợ của ông N). Hiện nay căn nhà này do bà VH và ông P quản lý.

Sau khi ông N mất, bà H yêu cầu chia thừa kế đối với ½ giá trị nhà đất là phần tài sản của ông N mất để lại nhưng bà VH và ông P không đồng ý. Do đó, bà H khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Phân chia di sản thừa kế đối với phần tài sản của ông N để lại. Giá trị căn nhà và đất tạm tính là 42 tỷ đồng, ½ giá trị tài sản của ông N là 21 tỷ đồng được chia làm 4 phần cho bà H, bà VH, ông P và bà HH. Bà H yêu cầu được chia ¼ giá trị tài sản của ông N tạm tính là 5.125.000.000 đồng.

- Phân chia ½ số tiền lợi tức mà Bà VH thu được từ việc cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Thực phẩm Tươi sống H thuê ngôi nhà là di

sản của ông N để lại tại địa chỉ 114 đường HT, quận TB. Số tiền lợi tức thu được tính từ ngày 02/09/2021 đến ngày Tòa xét xử sơ thẩm vụ án. Bà H yêu cầu được hưởng ¼ số tiền tạm tính từ ngày cho thuê đến ngày khởi kiện bổ sung là 177.900.000 đồng.

Đối với đơn phản tố của ông P là không có căn cứ để chấp nhận, cụ thể: địa chỉ lập di chúc không phải là nơi cư trú của ông N và bà VH; Thông tin về người lập di chúc thể hiện ông N sinh năm 1924 là không đúng; Thông tin của người được hưởng di sản thừa kế không đúng về số căn cước công dân; Trong di chúc của ông N và bà VH có nêu "hiện tại sức khỏe của chúng tôi vẫn bình thường, tinh thần còn minh mẫn, tuy nhiên chúng tôi tuổi đã cao" nhưng không có kết luận của cơ quan y tế có thẩm quyền để xác định trạng thái, tinh thần của ông N; Người làm chứng trong di chúc không có giá trị làm chứng; Bà VH không được là người làm chứng và không có quyền viết lại ý nguyện của ông N; Di chúc của ông N và bà VH là di chúc chung của vợ chồng không được quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015 nên không có hiệu lực; Kết luận giám định số 769/KL-KTHS ngày 22/01/2024 và Kết luận giám định số 5773/KL-KTHS ngày 17/6/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện nội dung: không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên N trên tài liệu cần giám định là do ông N ký ra nên chữ viết và chữ ký trong bản di chúc không phải do ông N viết và ký; Khi lập di chúc, ông N đã 95 tuổi, có cơ sở để xác định ông N là người bị hạn chế về thể chất khi lập di chúc.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T về quyền phát mại tài sản thế chấp đối với phần di sản của ông N để lại là không có căn cứ để chấp nhận, Ngân hàng T chỉ có quyền xử lý tài sản thế chấp của bà VH. Theo quy định tại khoản 3 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015, Ngân hàng T khởi kiện về khoản nợ là quá thời hiệu khởi kiện.

3.2 Ông P: Theo đơn phản tố ngày 06/5/2022, ông P yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận di chúc của cha mẹ ông là ông N và Bà VH lập vào ngày 27/6/2019 và phân chia di sản thừa kế của ông N theo di chúc, tổng giá trị nhà và đất ông P yêu cầu được hưởng là 1.836.259.896 đồng.

Ngày 16/8/2022, ông P rút yêu cầu phân chia di sản thừa kế của ông N theo di chúc.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Bà H: Ông P, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của Bà VH và Bà HH, đại diện cho Trẻ N, Trẻ T có ý kiến như sau:

Ông xác nhận nhà và đất tại địa chỉ 114 đường HT, Phường H, quận TB, Thành phố M là tài sản chung của cha mẹ ông là ông N và Bà VH tạo lập vào năm 1988. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, ông không đồng ý vì ngày 27/6/2019, ông N và Bà VH đã lập di chúc chung bằng văn bản định đoạt toàn bộ quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất nêu trên. Theo đó, ông N và bà VH thống nhất để lại 80% tổng giá trị tài sản nêu trên cho ông và con trai ông là cháu T (sinh năm 2012); để lại 20% tổng giá trị tài sản nêu trên cho chị gái ông

là HH. Thời điểm lập di chúc, ông N hoàn toàn minh mẫn, không bị ai lừa dối, ép buộc và lập di chúc trước mặt 02 người làm chứng là Ông DV và Bà N. Hai người làm chứng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, họ không phải là người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của ông N và Bà VH, không phải là người có quyền, nghĩa vụ liên quan tài sản liên quan tới nội dung di chúc. Việc xác nhận của người làm chứng hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

3.3 Bà P: Tại bản tự khai ngày 01/6/2022, bà P có cùng ý kiến với chồng bà là Ông P; đồng thời bà P có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà.

3.4 Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Thực phẩm Tươi sống H do Bà MH là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Ngày 11/10/2021, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Thực phẩm Tươi sống H (sau đây gọi là Công ty H) ký kết "Hợp đồng thuê nhà" với Bà VH để thuê căn nhà 114 đường HT, Phường H, quận TB, Thành phố M với mục đích làm địa điểm kinh doanh và nhà ở. Hai bên thỏa thuận thời hạn cho thuê căn nhà là 72 tháng từ ngày 15/11/2021 đến ngày 15/11/2027, với giá thuê thay đổi 2 năm một lần, cụ thể:

- Giá thuê 02 năm đầu tiên là 68.200.000 đồng/tháng.

- Giá thuê 02 năm tiếp theo là 75.020.000 đồng/tháng.

- Giá thuê 02 năm cuối là 82.522.000 đồng/tháng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H và Ngân hàng T, Công ty H không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình giải quyết theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo cho công ty được tiếp tục thuê nhà và giữ nguyên phương thức thanh toán ban đầu là thanh toán toàn bộ số tiền thuê nhà vào tài khoản của Ông P. Công ty đề nghị được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, các phiên tòa xét xử liên quan đến vụ án.

4. Người làm chứng:

4.1 Ông DV: Tại bản trình bày ý kiến ngày 31/3/2022 và "Đơn trình bày ý kiến và đề nghị xét xử vắng mặt" 06/12/2024 có nội dung như sau: Trước đây ông DV là lái xe riêng của ông N (nguyên thiếu tướng N). Ngày 27/6/2019, ông đến nhà con gái của ông N là Bà HH để thăm ông N thì ông N và bà VH nhờ ông làm chứng việc ông N và bà VH lập di chúc. Ông xác định tại thời điểm lập di chúc thì tinh thần ông N hoàn toàn minh mẫn, ông chứng kiến ông N đọc di chúc và thống nhất nội dung di chúc với bà VH; ông N và bà VH cùng ký tên vào bản Di chúc, sau đó lần lượt ông và bà N ký tên vào bản Di chúc này. Đồng thời, ông DV đề nghị Tòa án cho bà được vắng mặt vào các phiên tòa xét xử vụ án.

4.2 Bà N: Tại bản trình bày ý kiến ngày 26/4/2022 và "Đơn trình bày ý kiến và đề nghị xét xử vắng mặt" ngày 02/12/2024 có nội dung như sau: Bà N là người quen của gia đình ông N và bà VH. Ngày 27/6/2019, bà N có đến nhà con gái của ông N là Bà HH thì được ông N đề nghị là chứng cho việc lập di chúc

định đoạt tài sản chung của ông N và bà VH để lại cho con cháu. Bà N và ông DV cùng chứng kiến bà VH viết di chúc, sau đó ông N đọc lại cho mọi người cung nghe và thống nhất nội dung di chúc do bà VH viết. Bà N khẳng định tại thời điểm lập di chúc ông N và bà VH đều minh mẫn, sáng suốt, tự nguyện lập bản di chúc. Đồng thời, bà N đề nghị Tòa án cho bà được vắng mặt vào các phiên tòa xét xử vụ án.

5. Tại bản án sơ thẩm đã tuyên:

4.1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, Ngân hàng T:

4.1.1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Quốc tế V phải trả ngay cho Ngân hàng T tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/4/2025 là 14.510.590.915 (Mười bốn tỷ năm trăm mười triệu năm trăm chín mươi nghìn chín trăm mười lăm) đồng, trong đó:

- Hợp đồng tín dụng số 01/2020/9100844/HĐTD ngày 29/5/2020: Tổng dư nợ là 826.152.800 đồng, trong đó nợ gốc là 698.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 0 đồng, nợ lãi quá hạn là 128.152.800 đồng.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/9100844/HĐTD ngày 01/9/2021: Tổng dư nợ là 13.684.438.115 đồng, trong đó nợ gốc là 12.082.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 33.095.539 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.569.342.576 đồng.

4.1.2. Tiền lãi được tiếp tục tính với mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 17/4/2025 trở đi cho đến khi Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Quốc tế V thanh toán xong nợ.

4.1.3. Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Quốc tế V không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nợ vay thì Ngân hàng T được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để ưu tiên thu hồi nợ cho Ngân hàng T, tài sản là Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở tại số 114 đường HT, Phường H, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh đã được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2019/9100844/HĐBĐ ngày 13/9/2019 giữa ông N, Bà VH và Ngân hàng T.

4.1.4. Trường hợp phát mãi tài sản nêu trên không đủ để thanh toán toàn bộ nợ vay thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Quốc tế V còn phải tiếp tục trả cho đến khi dứt nợ cho Ngân hàng T.

Trường hợp khi phát mãi tài sản thế chấp mà giá trị phát mãi lớn hơn nghĩa vụ thanh toán nợ của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Quốc tế V với Ngân hàng T thì Ngân hàng T phải trả lại số tiền còn thừa cho Bà VH.

4.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn H về việc chia di sản thừa kế của ông N theo pháp luật và phân chia số tiền hoa lợi, lợi tức mà Bà VH thu được từ việc cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Thực phẩm

Tươi sống H thuê căn nhà 114 đường HT, Phường H, quận TB, Thành phố M trong 37 tháng.

4.3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn P: Công nhận di chúc ngày 27/6/2019 của ông N và Bà VH là hợp pháp.

Đình chỉ đối với yêu cầu của Ông P về việc chia di sản thừa kế theo di chúc.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/4/2025, Tòa án nhân dân quận Tân Bình nhận được đơn kháng cáo của nguyên đơn Bà H đề ngày 18/4/2025 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm do Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử. Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

5. Tại phiên tòa phúc thẩm:

5.1 Người đại diện theo ủy quyền của bà H xác định lại nội dung kháng cáo như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 54/2025/KDTM-ST ngày 14/4/2025 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H về chia di sản thừa kế do ông N để lại, chia số tiền hoa lợi, lợi tức mà bà VH thu được từ việc cho thuê tài sản thừa kế; không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông P về việc công nhận di chúc do ông N và bà VH lập ngày 27/6/2019; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T về phát mãi tài sản thế chấp.

5.2 Nguyên đơn, Ngân hàng T không đồng ý với kháng cáo của bà H, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

5.3 Bị đơn, Công ty V do ông P đại diện theo pháp luật không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà H, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

5.4 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông P, Bà VH và Bà HH (do ông P đại diện theo ủy quyền) có ý kiến: không đồng ý với kháng cáo của bà H, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

5.5 Luật sư H bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H nộp bản luận cứ với nội dung sau: Đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của Bà H, sửa bản án sơ thẩm về các nội dung sau:

5.5.1 Về yêu cầu chia thừa kế của bà H: Di chúc do ông N và bà VH lập ngày 27/6/2019 là không hợp pháp vì có nhiều điểm và nội dung bất hợp lý, không phù hợp với quy định pháp luật, cụ thể: địa chỉ lập di chúc không phải là nơi ở của ông N, bà VH nên không phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 631 Bộ luật Dân sự 2015. Thông tin về người lập di chúc là ông N không

đúng, ông N sinh năm 1925 chứ không phải 1924. Người làm chứng không có giá trị làm chứng và không xác nhận chữ ký của người lập di chúc trước mặt người làm chứng là không đúng quy định tại Điều 634 của Bộ luật Dân sự 2015.

Ngoài ra, kết luận giám định thể hiện nội dung: Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên N trên tài liệu cần giám định (trên di chúc) là do ông N ký ra. Do vậy, có cơ sở để chấp nhận lời nại của bà H cho rằng chữ viết và chữ ký trong bản Di chúc không phải do ông N viết và ký.

5.5.2 Đối với khoản vay của Công ty V tại Ngân hàng T, chưa có căn cứ để cho rằng Công ty V vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên không thể chấp nhận yêu cầu phát mãi tài sản của bên thế chấp tài sản là ông N để thực hiện trả nợ cho Công ty V. Trong trường hợp này Ngân hàng T chỉ có quyền yêu cầu phát mãi tài sản của bà VH.

6. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 54/2025/KDTM-ST ngày 18/4/2025 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Bản án sơ thẩm số 54/2025/KDTM-ST của Toà án nhân dân quận Tân Bình (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4), Thành phố Hồ Chí Minh được tuyên vào ngày 18/4/2025. Ngày 28/4/2025, Tòa án nhân dân quận Tân Bình nhận được đơn kháng cáo của Bà H với nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm. Người đại diện theo ủy quyền của bà H có mặt tại phiên tòa nên kháng cáo của bà H còn trong thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận về thời hạn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết và xác định tư cách đương sự:

Ngày 19/11/2019, Bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Tân Bình giải quyết buộc Bà VH chia thừa kế đối với tài sản do cha bà là ông N chết để lại, tài sản thừa kế là nhà đất tại địa chỉ 114 HT, Phường H, quận TB, Thành phố M (sau đây viết tắt là nhà 114 HT). Tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp về dân sự, cụ thể là tranh chấp về thừa kế tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án, bị đơn có địa chỉ tại quận Tân Bình nên Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý

đơn khởi kiện này của bà H là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 27/7/2023, Ngân hàng T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty V thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 27/7/2023 số tiền là 12.893.395.726 đồng; trường hợp Công ty V không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì yêu cầu tuyên phát mãi tài sản thế chấp là nhà đất tại địa chỉ 114 HT, Phường H, quận TB, Thành phố M để thu hồi nợ. Đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại, cụ thể là tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã thụ lý vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 12/2024/TLST-KDTM ngày 27/02/2024.

Ngày 27/5/2024, Tòa án nhân dân quận Tân Bình ban hành Quyết định nhập vụ án số 303/2024/QĐST-DS với nội dung nhập vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 12/2024/TLST-KDTM ngày 27/02/2024 về "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng" giữa nguyên đơn Ngân hàng T và bị đơn Công ty V và vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 518/2019/TLST-DS ngày 16/12/2020 về "Tranh chấp về thừa kế tài sản" giữa nguyên đơn Bà H và bị đơn Bà VH và Ông P thành vụ án thụ lý số 12/2024/TLST-KDTM ngày 27/02/2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng và tranh chấp về thừa kế tài sản". Theo đó, nguyên đơn là Ngân hàng T, Bà H; bị đơn là Bà VH, Ông P, Công ty V; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Bà P, Trẻ N, Trẻ T, Bà HH và Công ty TNHH Thương mại Thực phẩm tươi sống H.

Xét, Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý đơn khởi kiện của Bà H và Ngân hàng T là đúng thẩm quyền và trong quá trình giải quyết nhận thấy cả hai vụ án trên đều liên quan đến tài sản tranh chấp là nhà đất tại địa chỉ 114 HT, Phường H, quận TB, Thành phố M nên Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã nhập 02 vụ án trên thành một vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 12/2024/TLST-KDTM ngày 27/02/2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng và tranh chấp về thừa kế tài sản" để giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vụ án dân sự mà bà H là nguyên đơn đã được nhập vào vụ án kinh doanh thương mại do Ngân hàng T là nguyên đơn nên cần xác định lại tư cách đương sự của bà H, bà VH và ông P trong vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm sau khi nhập. Cấp sơ thẩm xác định nguyên đơn là Bà H, bị đơn là Bà VH và Ông P trong vụ án là chưa chính xác nên cần xác định lại như sau: giữ nguyên tư cách nguyên đơn là Ngân hàng T, bị đơn là Công ty V, người làm chứng là Ông DV và bà N, các đương sự còn lại được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về nội dung: Xét kháng cáo của Bà H về việc sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản của ông N để lại; về yêu cầu chia hoa lợi, lợi tức từ việc bà VH cho thuê căn nhà 114 HT; không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông P về việc công nhận di chúc của ông N là hợp pháp; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc xử lý tài sản là di sản của ông N chết để lại; đồng thời yêu

cầu cấp phúc thẩm xem xét cho giám định lại di chúc của ông N lập ngày 27/6/2019:

[3.1] Xét yêu cầu của bà H về việc chia di sản thừa kế là nhà đất tại địa chỉ 114 HT, Phường H, quận TB, (nay là Phường BH), Thành phố M.

[3.1.1] Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 70127232310 được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/8/2004 cho ông N và Bà VH, có cơ sở xác định nhà đất tại địa chỉ 114 HT là tài sản chung của ông N và bà VH, mỗi người được sở hữu ½ trị giá nhà và đất. Ông N chết ngày 15/7/2020 nên xác định ½ trị giá nhà và đất nêu trên là tài sản do ông N chết để lại.

[3.1.2] Về hàng thừa kế: Căn cứ lời khai của các đương sự, ông N có vợ thứ nhất là bà BK, đã ly hôn từ năm 1976, vợ thứ hai là Bà VH và các con gồm: Bà H (con riêng của ông N và bà BK), Bà HH, Ông P. Ngoài những người con trên, ông N không còn con riêng, con nuôi nào khác. Cha mẹ ông N đã chết trước ông N. Như vậy, hàng thừa kế của ông N gồm những người sau: Bà VH, Bà H, Bà HH, Ông P.

[3.1.3] Xét hiệu lực di chúc của ông N lập ngày 27/6/2019:

[3.1.3.1] Về hình thức: Ngày 27/6/2019, ông N và Bà VH lập di chúc được hai người làm chứng ký xác nhận với nội dung là để lại tài sản của ông bà trong căn nhà 114 HT cho con trai P và cháu nội là T (sinh năm 2012) 80% tổng trị giá tài sản và cho con gái HH 20% tổng trị giá tài sản.

Tại Điều 624 của Bộ luật Dân sự 2015 quy định: *"Di chúc là thể hiện ý chí của cá nhân nhằm chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết*".

Theo lời khai của người làm chứng là Ông DV và Bà N thì ông bà được ông N và bà VH mời đến địa chỉ 1702 Khu đô thị mới NĐ, B, Thành phố H để làm chứng cho việc ông N và bà VH lập di chúc để lại tài sản cho con cháu. Ông DV và bà N đều khẳng định, ông N và bà VH đều sáng suốt trong khi lập di chúc, không bị bất kỳ ai lừa dối, ép buộc, đe dọa, cưỡng ép. Di chúc được lập thành văn bản và được ông N, bà VH ký trước mặt người làm chứng.

Xét Ông DV và Bà N tại thời điểm làm chứng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không phải là người thừa kế theo pháp luật, không phải là người có quyền, nghĩa vụ tài sản liên quan đến nội dung di chúc nên ông DV và bà N làm chứng cho việc lập di chúc của ông N và bà VH là phù hợp với quy định tại Điều 622 của Bộ luật Dân sự 2015.

Như vậy, ông N được quyền lập di chúc để định đoạt tài sản của mình cho người khác sau khi chết. Di chúc trên được lập thành văn bản có người làm chứng là phù hợp với hình thức được quy định tại các Điều 627, 628, 630 của Bộ luật Dân sự 2015.

[3.1.3.2] Về nội dung:

Di chúc có nội dung: *"...Khi vợ chồng tôi qua đời tài sản nêu trên chúng tôi để lại cho con trai là P...và cháu đích tôn là T...80% tổng giá trị tài sản nêu trên. Con gái HH ...là 20% tổng giá trị tài sản nêu trên. Không ai được tranh chấp gây mất đoàn kết gia đình. Con trai chúng tôi là P có trách nhiệm thờ cúng ông bà, tổ tiên, lo trang trải công nợ và hậu sự của chúng tôi...."*

Theo nội dung di chúc thể hiện ý chí của ông N và bà VH để lại cho con trai P và cháu nội T 80% tổng trị giá nhà đất tại 114 HT, cho con gái HH 20% tổng giá trị nêu trên.

Di chúc được lập thành 02 bản và có hai người làm chứng là Ông DV và Bà N. Theo lời khai của ông DV và bà N thì di chúc là do bà VH viết 02 bản trước mặt người làm chứng và ông N và bà VH trong tình trạng minh mẫn, không bị ai ép buộc, lừa dối. Như vậy, có cơ sở để xác định ông N đã hiểu rõ nội dung di chúc.

Từ phân tích trên có cơ sở để xác định di chúc của ông N và Bà VH lập ngày 27/6/2019 là hợp pháp theo quy định tại Điều 628 của Bộ luật Dân sự 2015, có giá trị pháp lý. Phần tài sản của ông N để lại trong căn nhà và đất tại địa chỉ 114 HT đã được ông N định đoạt theo Di chúc. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc chia thừa kế đối với tài sản của ông N để lại là ½ trị giá nhà đất tại số 114 HT là phù hợp với các tình tiết có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó phần kháng cáo này của bà H là không có cơ sở.

Theo Điều 668 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: *"Di chúc chung của vợ, chồng có hiệu lực từ thời điểm người sau cùng chết hoặc tại thời điểm vợ, chồng cùng chết."*

Xét Di chúc của ông N và bà VH là di chúc chung của vợ chồng được lập hợp pháp, phù hợp với quy định pháp luật, có giá trị pháp lý nhưng chưa phát sinh hiệu lực. Di chúc này chỉ phát sinh hiệu lực khi thỏa mãn điều kiện theo quy định tại điều luật được viện dẫn trên.

[3.2] Xét yêu cầu phân chia hoa lợi, lợi tức do bà VH thu được từ việc cho thuê tài sản thừa kế:

Như đã phân tích tại mục [3.1.3] di chúc do ông N và bà VH lập là hợp pháp, theo đó ông N đã định đoạt tài sản của mình cho Ông P, Trẻ T và Bà HH theo di chúc đã lập. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của bà H là phù hợp với các tình tiết có trong hồ sơ vụ án, do đó yêu cầu kháng cáo này của bà H là không có căn cứ để chấp nhận.

[3.3] Xét yêu cầu Giám định lại chữ ký và chữ viết của ông N tại bản Di chúc lập ngày 27/6/2019:

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bà H cho rằng chữ ký tại bản di chúc ngày 27/6/2019 không phải do ông N viết và có "Đơn yêu cầu Giám định" ngày 08/6/2022. Đến ngày 13/7/2022 bà H có đơn yêu cầu rút một phần

yêu cầu giám định (bút lục 494) và ngày 25/10/2022, bà H tiếp tục có đơn rút yêu cầu giám định (bút lục 498).

Theo "Kết luận giám định" số 769/KL-KTHS ngày 22/01/2024 và "Kết luận giám định" số 5773/KL-KTHS ngày 17/6/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh đều có nội dung không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên N trên tài liệu cần giám định so với chữ ký đứng tên N trên tài liệu dùng làm mẫu so sánh có phải do cùng một người ký ra hay không.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H liên tục có đơn yêu cầu giám định lại chữ ký của ông N và cho rằng kết quả giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh chưa rõ và chưa đầy đủ nên cần giám định lại. Đồng thời, người đại diện theo ủy quyền của bà H cung cấp cho Tòa án tài liệu dùng để làm mẫu so sánh.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 102 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"...Việc giám định lại được thực hiện trong trường hợp có căn cứ cho rằng kết luận giám định lần đầu không chính xác, có vi phạm pháp luật hoặc trong trường hợp đặc biệt theo quyết định của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao theo quy định của Luật Giám định tư pháp."*

Xét tài liệu do bà H cung cấp làm mẫu so sánh là văn bản Báo cáo xây dựng gia đình có chữ ký và ghi tên N đề ngày 15/11/1977, trong khi tài liệu cần giám định là "Di chúc" do ông N ký vào ngày 27/6/2019, tức hơn 40 năm nên chữ ký hoặc chữ viết có thể thay đổi theo thời gian. Do đó, bà H cung cấp mẫu so sánh này để yêu cầu giám định lại là không phù hợp.

Ngoài tài liệu trên thì bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh việc kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh là chưa đầy đủ. Như vậy, việc giám định lại là không cần thiết và yêu cầu này của bà H không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4] Xét yêu cầu của ông P về việc công nhận di chúc của ông N và bà VH lập ngày 27/6/2019 là hợp pháp:

Như đã phân tích tại mục [3.1.3] thì Di chúc của ông N và bà VH lập ngày 27/6/2019 có hình thức phù hợp với quy định pháp luật và nội dung không trái pháp luật nên được công nhận và có giá trị pháp lý. Cấp sơ thẩm đã nhận định và chấp nhận yêu cầu này của ông P là phù hợp với quy định pháp luật, do đó kháng cáo của bà H yêu cầu không công nhận di chúc của ông N và bà VHkhông được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.5] Xét yêu cầu Công ty V thanh toán khoản vay và yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp của Ngân hàng T:

[3.5.1] Về các khoản vay của Công ty V: Ngân hàng T và Công ty V không kháng cáo đối với khoản nợ 12.780.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo "Hợp đồng tín dụng số" 01/2020/9100844/HĐTD ngày 29/05/2020 và "Hợp đồng tín dụng hạn mức số" 01/2021/9100844/HĐTD ngày 01/9/2021 nên

Hội đồng xét xử không xem xét lại phần nội dung này.

[3.5.2] Về yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là nhà đất tại địa chỉ 114 HT:

Để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty V tại Ngân hàng T, ông N và Bà VH đã ký kết "Hợp đồng thế chấp tài sản số" 01/2019/9100844/HĐBĐ ngày 13/09/2019, tài sản thế chấp là Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ 114 HT. Xét hợp đồng thế chấp tài sản trên đã được Văn phòng Công chứng C chứng nhận ngày 13/9/2019 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 13/9/2019 (xác nhận của Văn phòng đăng ký đất đai ngày 16/9/2019) nên có giá trị pháp lý và phát sinh hiệu lực.

Tại hợp đồng thế chấp quy định các nội dung sau:

Tại Điều 1: *"...(i) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/9100844/HĐTD ngày 13/9/2019 giữa Ngân hàng và bên được bảo đảm, bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ và các văn bản liên quan của các hợp đồng tín dụng; và (ii) Các HĐTD được ký kết giữa Ngân hàng và bên được bảo đảm trong khoảng thời gian từ ngày 13/9/2019 đến ngày 31/12/2025, bao gồm các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ và các văn bản liên quan của các HDTD".*

Tại khoản 1 Điều 4: *"Bên thế chấp đồng toàn bộ TSTC nêu tại Điều 2 Hợp đồng này để để bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo đảm đối với Ngân hàng phát sinh từ các hợp đồng cấp tín dụng như định nghĩa tại Điều 1 Hợp đồng này, bao gồm nhưng không giới hạn nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền bồi thường thiệt hại, chi phi xử lý tài sản thế chấp và tất cả các nghĩa vụ liên quan khác".*

Theo thỏa thuận trên thì mặc dù hợp đồng thế chấp tài sản được ký trước hợp đồng tín dụng nhưng hợp đồng thế chấp tài sản vẫn có giá trị bảo đảm cho nghĩa vụ phát sinh từ các hợp đồng tín dụng này. Việc bà H cho rằng sau khi ông N chết thì quan hệ bảo lãnh mà ông N ký kết cũng chấm dứt và những người thừa kế tài sản của ông N không phải chịu vụ thực hiện nghĩa vụ bảo đảm cho các hợp đồng tín dụng của Công ty V vì các hợp đồng tín dụng này ký sau khi ông N chết là không đúng. Cấp sơ thẩm đã nhận định và chấp nhận yêu cầu tuyên phát mãi tài sản thế chấp của Ngân hàng T trong trường hợp Công ty V không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về nội dung là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí:

[5.1] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bà H và Công ty V phải chịu theo quy định của pháp luật.

Hoàn lại cho Ngân hàng T và Ông P số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5.2] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bà H không phải chịu án phí do có đơn xin miễn án phí vì thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 6, 7, 9 và Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm 54/2025/KDTM-ST ngày 18/4/2025 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4).

1.1 Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, Ngân hàng T:

1.1.1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Quốc tế V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/4/2025 là 14.510.590.915 đồng (mười bốn tỷ năm trăm mười triệu năm trăm chín mươi nghìn chín trăm mười lăm đồng), trong đó:

- Hợp đồng tín dụng số 01/2020/9100844/HĐTD ngày 29/5/2020: nợ gốc là 698.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 128.152.800 đồng.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/9100844/HĐTD ngày 01/9/2021: nợ gốc là 12.082.000.000 đồng (Mười hai tỷ không trăm tám mươi hai triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 33.095.539 đồng (Ba mươi ba triệu không trăm chín mươi lăm nghìn năm trăm ba mươi chín đồng), nợ lãi quá hạn là 1.569.342.576 đồng (Một tỷ năm trăm sáu mươi chín triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm sáu mươi bảy đồng).

1.1.2. Tiền lãi được tiếp tục tính với mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 17/4/2025 trở đi cho đến khi Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Quốc tế V thanh toán xong nợ.

1.1.3. Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Quốc tế V không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nợ vay thì Ngân hàng T được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để ưu tiên thu hồi nợ cho Ngân hàng T, tài sản là Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở tại Số 114 đường HT, Phường H, quận TB (nay là phường H), Thành phố M đã được thế chấp theo Hợp đồng thế

chấp tài sản số 01/2019/9100844/HĐBĐ ngày 13/9/2019 giữa ông N, Bà VH và Ngân hàng T.

1.1.4. Trường hợp phát mãi tài sản nêu trên không đủ để thanh toán toàn bộ nợ vay thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Quốc tế V còn phải tiếp tục trả cho đến khi dứt nợ cho Ngân hàng T.

Trường hợp khi phát mãi tài sản thế chấp mà giá trị phát mãi lớn hơn nghĩa vụ thanh toán nợ của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Quốc tế V với Ngân hàng T thì Ngân hàng T phải trả lại số tiền còn thừa cho Bà VH.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của H về việc chia di sản thừa kế của ông N theo pháp luật và phân chia số tiền hoa lợi, lợi tức mà Bà VH thu được từ việc cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Thực phẩm Tươi sống H thuê căn nhà 114 đường HT, Phường H, quận TB, Thành phố M trong 37 tháng.

1.3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ông P: Công nhận di chúc lập ngày 27/6/2019 của ông N và Bà VH là hợp pháp.

1.4. Đình chỉ đối với yêu cầu của Ông P về việc chia di sản thừa kế của ông N theo di chúc.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh thương mại do Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Quốc tế V phải chịu là 122.510.591 (Một trăm hai mươi hai triệu năm trăm mười nghìn năm trăm chín mốt) đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 60.446.697 (Sáu mươi triệu bốn trăm bốn mươi sáu ngàn sáu trăm chín mươi bảy) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001056 ngày 09/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà H được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà H phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá, được cấn trừ vào tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá đã nộp.

Ông P được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng và số tiền 33.543.898 (Ba mươi ba triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm chín mươi tám) đồng theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0031401 và biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0031400 cùng ngày 09/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bà H được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

4. Các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ thi hành án tại cơ quan có thẩm quyền về thi hành án dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND khu vực 4 Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Quỳnh Anh

2025KTPT41700
1 000134 182213
20.08.2025 11:11
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Ph